**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN A**
**TỈNH HÀ GIANG**

Bản án số: 20 /2019/HNGĐ-ST
26 - 7 - 2019.
(V/v ly hôn giữa chị S và anh T).

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Đán Văn Đ**

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1.Bà **Trần Thị L**

2.Ông **Phùng Ngọc T**

- ***T ký phiên tòa*:** Bà **Hoàng Thị Đ** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12 /2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1148/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Viên Thị S**, Sinh năm: 1991;

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Hà Giang.(vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh **Lương Văn T,** Sinh năm 1986;

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Địa chỉ: thôn E xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang. Có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2019, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Viên Thị S trình bày: Chị và anh Lương Văn T, xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 2014, tại UBND Thị Trấn C, huyện D, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại thôn E xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 06 tháng, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân, lý do anh T hay rượu chè, cờ bạc, khi trở về nhà hay chửi bới, xúc phạm thậm trí có hành động đánh đập chị, không chịu được chị đã bỏ về quê để sinh sống và xin ly hôn tại Tòa án

nhân dân huyện D, tỉnh Hà Giang, được Tòa án huyện D hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên trong thời gian trở lại đoàn tụ với nhau, anh T không sửa đổi tính cách do vậy, đến tháng 11 năm 2016, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người sống một nơi không quan tâm hỏi thăm nhau nữa. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, không thể khắc phục được, có khắc phục cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung tên là Lương Minh S, sinh ngày 22/7/2014, hiện nay cháu đang ở với ông, bà bên nội tại thôn E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu cho anh T được trực tiếp, nuôi dưỡng và giáo dục chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 600.000đ cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị S có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ghi ngày 05/6 / 2019 chị S giữ nguyên quan điểm như nội dung đơn khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại phiên tòa bị đơn là anh Lương Văn T trình bày: Anh và chị Viên Thi S kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 18- 11- 2014, tại UBND thị Trấn C, huyện D, tỉnh Hà Giang. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị S tự gây ra vào ngày tháng tôi không nhớ, anh có cho phép chị S về quê anh ở G, huyện A, tỉnh Hà Giang để giúp bố mẹ anh gặt lúa, sau khi gặt lúa xong chị S tự ý bỏ nhà đi làm thuê ở Công ty khi con bị ốm, chị S cũng không về chăm sóc con đến thời gian tết năm 201, chị S có về ăn tết tại gia đình rồi sau tết chị tiếp tục đi làm từ đó không trở về nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không liên lạc được với nhau, mỗi người sống một nơi. Nay chị S xin ly hôn anh không nhất trí anh cảm thấy vợ chồng không chưa có mâu thuẫn gì trầm trọng đến mức phải ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên là Lương Minh S, sinh ngày 22/7/2014, hiện nay cháu đang ở với ông, bà bên nội tại thôn E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về tố tụng:** Đơn khởi kiện của chị Viên Thị S về việc xin ly hôn với anh Lương Văn T được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; anh T cố tình vắng mặt tại các lần Tòa án tiến

hành tố tụng không tiến hành việc hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định, không có khiếu nại tố cáo.

[2].**Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Viên Thị S và anh Lương Văn T có kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị Trấn C, huyện D, tỉnh Hà Giang vào ngày 18 tháng 11 năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình năm 2000, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc trong thời gian ngắn đến tháng 10 năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay rượu chè, cờ bạc, rồi hay chửi bới xúc phạm, thậm trí có hành động đánh đập chị đã bỏ nhà đi về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và xin ly hôn tại Tòa án huyện D, được Tòa án khuyên giải vợ chồng trở lại đoàn tụ, trong thời gian quay trở về đoàn tụ anh T đã không sửa chữa khuyết điểm của mình, đến tháng 11 năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người sống một nơi không quan tâm nhau và chị S có đơn đề nghi xin được ly hôn với anh T.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì:

*1. Vợ chồng có nghĩa vụ Tơng yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".*

Như vậy: Tòa án xét thấy sự mâu thuẫn của vợ chồng là thực sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nếu cố duy trì tình cảnh như hiện nay vợ chồng cũng không có hạnh phúc, sẽ ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cả hai bên và quyền lợi của con cái, nên cần xử cho chị Viên Thị S được ly hôn với anh Lương Văn T. Theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với ý kiến anh T khai và xác định anh không nhất trí lời trình bày của chị S về sự mâu thuẫn của vợ chồng, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, phải ly hôn nên anh không nhất trí ly hôn,

Tòa án xét thấy yêu cầu của anh T là thiếu căn cứ trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt tại Tòa án để vợ chồng hòa giải thỏa thuận với nhau về các mâu thuẫn của vợ chồng, mà anh T cố tình chốn tránh không có mặt tại Tòa án. Mặt khác trong thời gian sống ly thân anh T, chị S không có lần nào gặp gỡ hoặc trao đổi qua điện thoai với nhau một cách chân tình hợp tác, tôn trọng lẫn nhau mà chỉ thể hiển lời lẽ oán trách chửi bới, xúc phạm lẫn nhau, không có sự quan tâm lẫn nhau một các chân tình. Như vậy HĐXX nhận thấy lời thỉnh cầu của anh T không thực tế mà chỉ nhằm gây khó khăn cho chị S. Do vậy, ý kiến anh T không được Tòa án chấp nhận

[3]. **Về con chung:** Quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung tên là Lương Minh S, sinh ngày 22/7/2014, hiện nay cháu đang ở với ông, bà

bên nội  tại thôn E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn chị S nhất trí giao cháu cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000đ (sáu trăm ngìn đồng) cho anh T để nuôi con.

Tòa án xét thấy, việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị S là tự nguyện, không bị ép buộc phù hợp điều kiện kinh tế và  nơi ăn học hiện nay của cháu và phù hợp theo quy định của pháp luật nên cần ghi nhận và giao cháu Lương Minh S cho anh Lương Văn T được nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ ngày 26/7/2019 cho đến khi cháu  đủ 18 tuổi  .

[4] Về Tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Viên Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 điểm a, b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]Quyền kháng cáo: bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 51 và Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điểm a khoản 5 và Điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***1. Về quan hệ hôn nhân:***

Xử: cho chị Viên Thị S được ly hôn anh Lương Văn T.

***2. Về con chung:***

- Giao cháu Lương Minh S, sinh ngày 22/7/2014 cho anh Lương Văn T, địa chỉ: thôn E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày 26 / 7/2019 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về Cấp dưỡng: Chị Viên Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lương văn T người trực tiếp nuôi cháu S mỗi tháng là 600.000đ (sáu trăm

nghìn đồng), kể từ ngày 26 / 7/ 2019 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị S có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày bản án có hiểu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải thi hành cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự 2015 trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

***3. Về án phí*:** Chị Viên Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02153 ngày 25 tháng 02 năm 2019. Chị S còn phải nôp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

***4. Quyền kháng cáo:*** Anh Lương Văn T có mặt có quyền chống án bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Viên Thị S (vắng mặt có lý do) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Điều kiện thi hành án*: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

**Các thành viên HĐXX** **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đán Văn Đ**

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh;*
*- VKSND huyện A;*
*- Chi cục THADS huyện A;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đán Văn Đ**

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh;*
*- VKSND huyện A;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

*- Chi cục THADS huyện A;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**Đán Văn Đ**

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

**Các thành viên HĐXX** **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Lục Thị Nhung** **Phùng Ngọc T** **Đán Văn Đ**

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh;*
*- VKSND huyện A;*
*- Chi cục THADS huyện A;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đán Văn Đ**

| | | |
|---|---|---|
| *Các Hội thẩm nhân dân* | | *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà* |
| **Hoàng Văn Chiến** | **Trần Thị Hoài** | **Đán Văn Đ** |

**Nơi nhận:**
- *VKSND huyện A;*
- *TAND tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Bùi Văn Đàm**